

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:10/2023/KDTM - ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Xuân Thiều

Ông Phạm Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Thân Văn Chèo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm, công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2023/TLST- KDTM ngày 07/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXX - KDTM ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN H1; Trụ sở: Lô D19/II và D20/II, đường số E, khu công nghiệp V, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen Z - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nghiêm Xuân H, sinh năm 1995; Trú tại: Số I N, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH MTV S - Trụ sở: Lô A, khu công nghiệp C, khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo pháp luật: Ông A - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty L; Địa chỉ: Phòng 1901, lầu A, Tòa nhà Sài Gòn T center, số C T, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Võ Mộng T, sinh năm 1982; ông Trần Trung C, sinh năm 1991; Địa chỉ: C, ô F8, F9, khu L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Bà T có mặt, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Trách

nhiệm hữu hạn H1 (Công ty H1) trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 (sau đây gọi là Công ty H1) và Công ty TNHH một thành viên S (sau đây gọi là Công ty S1) có mua bán hàng hóa với nhau. Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty H1 và Công ty S1 không có ký hợp đồng. Thay vào đó Công ty H1 sẽ thực hiện bán hàng hóa cho Công ty S1 theo từng đơn đặt hàng cụ thể. Theo đó trong các tháng 02, 03, 05, 06, 07 năm 2022 Công ty H1 đã tiến hành bán hàng và giao đầy đủ hàng hóa theo các đơn đặt hàng mà Công ty S1 đã đặt. Sau khi giao hàng hóa, tổng hợp hàng tháng Công ty H1 sẽ thực hiện đối chiếu về số lượng hàng hóa cũng như công nợ với Công ty S1 và tiến hành xuất hóa đơn đầy đủ. Đến thời điểm hiện tại tổng giá trị hàng hóa Công ty H1 đã bán cho Công ty S1 trong các tháng 02, 03, 05, 06, 07 với tổng số tiền là 381.559.680 đồng

Thời gian qua, Công ty H1 đã rất nhiều lần liên hệ, làm việc với Công ty S1 nhằm yêu cầu thanh toán số tiền 381.559.680 đồng tại các Hoá đơn giá trị gia tăng gồm: Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022; số 644 ngày 29/4/2022; số 726 ngày 27/5/2022; số 841 ngày 14/6/2022; số 1024 ngày 22/7/2022. Tuy nhiên, Công ty S1 đã trốn tránh không thanh toán tiền nhằm chiếm dụng tiền của Công ty H1. Hành vi này, đã xâm phạm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H1.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty H1 khởi kiện Công ty S1 yêu cầu Toà án giải quyết như sau.

Công ty H1 yêu cầu Toà án buộc Công ty S1 phải trả cho Công ty H1 tổng số tiền nợ là 381.559.680 đồng. Không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH MTV S (Công ty S1) trình bày:

Công ty S1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập Công ty S1 đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng Công ty S1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu gì của Công ty S1.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty H1 là ông Nghiêm Xuân H trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty H1 số tiền 30.000.000 đồng trong tổng số nợ là 381.559.680 đồng tại Hoá đơn giá trị gia tăng số: 225 ngày 26/02/2022, vì vậy Công ty H1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng mà Công ty S1 đã thanh toán, Công ty H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu Công ty S1 trả lại số tiền 351.559.680 đồng, cụ thể: Buộc Công ty S1 thanh toán cho Công ty H1 số tiền 105.940.440 đồng tại Hóa đơn số 841 ngày 14/6/2022; số tiền 30.483.000 đồng tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 726 ngày 27/5/2022; số tiền 111.414.960 đồng tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 644 ngày 29/4/2022; số tiền 10.453.560 đồng còn nợ lại tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 225 ngày 26/02/2022 và số tiền 93.267.720 đồng tại Hóa đơn giá trị gia

tăng số 1024 ngày 22/7/2022. Tổng số tiền là 351.559.680 đồng. Xét thấy, việc Công ty H1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng mà Công ty S1 đã thanh toán là do phía nguyên đơn tự nguyện, không vi phạm điều

2

cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty S1 là bà Võ Mộng T trình bày:*
Giữa Công ty H1 và Công ty S1 không có giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá, quá trình giải quyết vụ án Công ty H1 cung cấp cho Toà án 05 hoá đơn gồm: Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022; số 644 ngày 29/4/2022; số 726 ngày 27/5/2022; số 841 ngày 14/6/2022; số 1024 ngày 22/7/2022 và các phiếu giao hàng từ tháng 02/2022 đến 07/2022 nhưng các phiếu giao hàng và các giấy tờ khác do nhiều cá nhân ký, không rõ họ tên, không hề có dấu của Công ty S1. Đối với các bảng đối chiếu công nợ các tháng 2, 3, 5, 6 và 7 năm 2022 không có bất cứ xác nhận nào của bên mua và bên bán, theo thoả thuận thì hàng tháng Công ty H1 sẽ đối chiếu về số lượng hàng cũng như công nợ với Công ty S1 nhưng phía Công ty H1 không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện điều này. Trong số 05 hoá đơn trên thì Công ty S1 chỉ xác nhận 01 hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022 vì khi đối chiếu kho thì có nhập số hàng này và Công ty S1 đã thanh toán số tiền 30.000.000 đồng trên tổng giá trị là 40.453.560 đồng, còn nợ lại 10.453.560 đồng. Công ty S1 không nhận số lượng hàng của các hoá đơn còn lại vì việc đặt hàng, nhận hàng là của các nhân, không phải pháp nhân Công ty S1 thực hiện nên Công ty S1 không đồng ý thanh toán. Về việc khai thuế giá trị gia tăng thì Công ty S1 thừa nhận pháp nhân Công ty S1 có thực hiện khai thuế đối với 05 Hoá đơn gồm: số 225 ngày 26/02/2022; số 644 ngày 29/4/2022; số 726 ngày 27/5/2022; số 841 ngày 14/6/2022; số 1024 ngày 22/7/2022 như Cục Thuế tỉnh B cung cấp cho Toà án nhưng việc khai thuế không có nghĩa là sẽ được hoàn thuế, hơn nữa quá trình hoạt động Công ty S1 có nhiều biến động về nhận sự nên bà T cũng không nắm rõ được mục đích của việc khai thuế các hoá đơn nêu trên là gì. Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty H1 thì Công ty S1 chỉ thừa nhận có giao dịch mua bán số lượng, chủng loại và giá trị hàng hoá với Công ty H1 như thể hiện tại Hóa đơn giá trị gia tăng số: 225 ngày 26/02/2022, Công ty S1 đã thanh toán được cho Công ty H1 số tiền 30.000.000 đồng, số tiền 10.453.560 đồng nợ còn lại Công ty S1 đồng ý thanh toán cho Công ty H1. Không đồng ý thanh toán các hoá đơn còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Công ty H1 và Công ty S1 có mua bán hàng hóa với nhau. Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty H1 và Công ty S1 không có ký hợp đồng mà thực hiện bán hàng theo từng đơn đặt

3

hàng cụ thể từ phía Công ty S1. Trong các tháng 02, 03, 05, 06, 07 năm 2022, Công ty H1 đã tiến hành bán hàng và giao đầy đủ hàng theo các đơn đặt hàng mà Công ty S1 đã đặt. Sau khi giao hàng, tổng hợp hàng tháng Công ty H1 sẽ thực hiện đối chiếu về số lượng hàng cũng như công nợ với Công ty S1. Khi hai bên thống nhất về số lượng hàng hóa và tiền hàng Công ty H1 đã tiến hành xuất hóa đơn đầy đủ, cụ thể: Theo Hóa đơn số 841 ngày 14/6/2022 với số tiền 105.940.440 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 726 ngày 27/5/2022 với số tiền 30.483.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 644 ngày 29/4/2022 với số tiền 111.414.960 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 225 ngày 26/02/2022 với số tiền 40.453.560 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng số 1024 ngày 22/7/2022 với số tiền 93.267.720 đồng. Tổng số tiền là 381.559.680 đồng.

Tại phiên tòa Công ty S1 chỉ thừa nhận có mua hàng tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 225 ngày 26/02/2022 với số tiền 40.453.560 đồng và Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty H1 số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.453.560 đồng, Công ty S1 đồng ý thanh toán cho Công ty H1 số nợ này, không đồng ý thanh toán đối với 04 hoá đơn còn lại. Tuy nhiên, tại văn bản số 4174/CT-TTKT2 ngày 21/9/2023 của Cục thuế tỉnh B xác định công ty S1 có kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với các hoá đơn số 726; 841; 644; 225; 1024 nêu trên nên việc công ty S1 có nhận hàng của công ty H1 theo 05 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên là đúng sự thật.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định công ty S1 còn nợ Công ty H1 số tiền 381.559.680 đồng trong việc mua bán hàng hóa từ thời điểm tháng 02/2022 đến tháng 7/2022. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty H1 số tiền 30.000.000 đồng tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 225 ngày 26/02/2022, còn nợ lại số tiền 10.453.560 đồng của hoá đơn này và Công ty H1 đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đã thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với số tiền này. Công ty H1 yêu cầu Công ty S1 phải trả cho công ty H1 số tiền 351.559.680 đồng chưa thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại năm 2005.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty S1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ các phân tích như trên đề xuất:

Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3; Điều 24; Điều 50 và Điều 55 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 166; 280; 385; 401 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H1: Buộc công ty S1 phải trả cho công ty H1 số tiền 351.559.680 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty S1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty H1 yêu cầu bị đơn Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn Công ty S1 có trụ sở tại khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện Công ty H1 yêu cầu Công ty S1 trả nợ tiền hàng tại các hoá đơn giá trị gia tăng gồm: Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022; số 644 ngày 29/4/2022; số 726 ngày 27/5/2022; số 841 ngày 14/6/2022; số 1024 ngày 22/7/2022 với tổng số tiền 381.559.680 đồng, tại phiên toà Công ty S1 chỉ thừa nhận có mua và nhận số lượng hàng tại hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022 và Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty H1 số tiền 30.000.000 đồng trong tổng giá trị 40.453.560 đồng của hoá đơn này, Công ty S1 đồng ý thanh toán cho Công ty H1 số tiền 10.453.560 đồng nợ còn lại. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Công ty S1 không thừa nhận và không đồng ý thanh toán số tiền 341.106.120 đồng tại các Hoá đơn giá trị gia tăng số 644 ngày 29/4/2022; số 726 ngày 27/5/2022; số 841 ngày 14/6/2022 và số 1024 ngày 22/7/2022. Xét thấy, việc công ty S1 thừa nhận

có mua và có nhận số lượng, chủng loại hàng hoá có giá trị 40.453.560 đồng tại hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022, việc mua bán hàng giữa Công ty S1 và Công ty H1 không ký hợp đồng bằng văn bản nên có cơ sở khẳng định giữa hay công ty này có thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá là đúng sự thật, phương thức đặt hàng thông qua việc gọi điện thoại và ứng dụng zalo, lời thừa nhận của phía bị đơn Công ty S1 phù hợp với nội dung trình của phía nguyên đơn Công ty H1. Đối với các hoá đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn số 841 ngày 14/6/2022 với số tiền 105.940.440 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 726 ngày 27/5/2022 với số tiền 30.483.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 644 ngày 29/4/2022 với số tiền 111.414.960 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng số 1024 ngày 22/7/2022 với số tiền 93.267.720 đồng, tổng số tiền mua hàng tại các hoá đơn này là 3 41.106.120 đồng; phía công ty S1 không thừa nhận nhưng qua đối chiếu các phiếu giao hàng, bản đối chiếu công nợ giữa các hoá đơn này với Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022 mà Công ty S1 đã thừa nhận đều thể hiện Phiếu giao hàng đều do các cá nhân ký nhận, không có đóng dấu của Công ty S1, bảng đối chiếu công nợ

5

tháng 02 năm 2022 của Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022 và bảng đối chiếu công nợ các tháng 3, 5, 6, 7 năm 2022 của 04 hoá đơn còn lại đều không có đóng dấu xác nhận của Công ty S1 nhưng Công ty S1 vẫn tiến hành thanh toán tiền hàng tại Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022 cho Công ty H1 mà không có ý kiến về việc phải có xác nhận của bên mua và bên bán tại bảng đối chiếu công nợ của Công ty H1 như người đại diện hợp pháp của công ty S1 bà Võ Mộng T trình bày tại phiên toà. Tại Công văn số 4174/CT – TTKT2 ngày 21/9/2023 của Cục Thuế tỉnh B thể hiện Công ty S1 có kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng của tất cả 05 hoá đơn mua hàng nói trên của Công ty H1, nội dung kê khai thuế của công ty S1 phù hợp với mã số thuế, số hoá đơn, ngày tháng xuất hoá đơn và giá trị hàng hoá thể hiện tại các hoá đơn Công ty H1 cung cấp làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, trong đó có Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022 mà công ty S1 đã thừa nhận; cũng tại phiên toà người đại diện hợp pháp của Công ty S1 thừa nhận pháp nhân Công ty S1 có kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng của tất cả 05 hoá đơn mua hàng nói trên của Công ty H1 như Cục Thuế tỉnh B cung cấp cho Toà án tại văn bản nêu trên nhưng bà T cho rằng việc khai thuế và việc được hoàn thuế là khác nhau, Công ty S1 có khai thuế nhưng Công ty S1 không đặt mua hàng và không nhận hàng tại các Hoá đơn số 644 ngày 29/4/2022; số 726 ngày 27/5/2022; số 841 ngày 14/6/2022; số 1024 ngày 22/7/2022, nội dung trình bày của bà T là mâu thuẫn, không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định Công ty S1 có thoả thuận mua của Công ty H1 số lượng, chủng loại hàng hoá có giá trị như thể hiện tại 05 hoá đơn giá trị gia tăng nêu trên với tổng số tiền 381.559.680 đồng, Công ty S1 đã thanh toán số tiền 30.000.000 đồng tại Hoá đơn số 225 ngày 26/02/2022 (thanh toán vào các ngày 07/6/2022, ngày 24/7/2022 và ngày

28/7/2022, mỗi lần thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng) còn nợ lại số tiền 351.559.680 đồng, buộc Công ty S1 phải trả cho Công ty H1 số tiền này.

[3]. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tại phiên toà*: Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H1 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Công ty H1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty H1 số tiền tạm ứng án phí 9.539.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012212, ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Công ty S1 phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền là: 351.559.680 đồng x 5% = 17.577.984 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, Điều 147, 217; 244; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

6

- Căn cứ khoản 1 và 8 Điều 3; Điều 24; Điều 50 và Điều 55 của Luật thương mại 2005;

- Căn cứ các Điều 166; 280; 385; 401 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H1:

Buộc Công ty TNHH MTV S có nghĩa vụ phải trả cho Công ty TNHH H1 số tiền là 351.559.680 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) Công ty TNHH H1 rút yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH MTV S.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV S phải chịu án phí với số tiền 17.577.984 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi tư đồng). Công ty TNHH H1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty H1 số tiền tạm ứng án phí 9.539.000 đồng (chín triệu năm

trăm ba mươi chín ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012212, ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quốc Mạnh

